

NGÔ VĂN PHÚ

Truyện
**DANH NHÂN
VIỆT NAM**

TRUYỆN LỊCH SỬ

Thời Lê - Tây Sơn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

TRUYỀN
Danh nhân
Việt Nam

NGÔ VĂN PHÚ

TRUYỀN
Danh nhân
Việt Nam

* Thời Lê - Tây Sơn

(Truyện lịch sử)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

THỜI Lê

Thành hoàng họ Phạm

Phạm Khiêm Ích bước vào nhà đang thấy cha nuôi là Phạm Công Thiện tiếp Chánh tổng và lý trưởng các xã. Chánh tổng thưa với quan Nghè Phạm Công Thiện:

- Bẩm quan, dân tổng ta có người đồ Giải nguyên là một vinh dự lớn. Làng Bảo Thiện đây một nhà hai người giạt bằng vàng, không thể sơ suất được. Cho nên xin quan lớn cho phép chúng con cắm đất để hàng tổng dựng nhà cho quan tân khoa ạ!

Ông Nghè Phạm Công Thiện, là cha nuôi của Phạm Khiêm Ích nói:

- Tôi vừa là cha nuôi vừa là dượng⁽¹⁾ của ông Giải nguyên. Ông cử nhà tôi tính tình trầm tĩnh, nhà cửa được hàng tổng làm cho, quy mô kích thước thế nào, phải tùy Khiêm Ích thôi.

Lý trưởng Bảo Thiện hăng hái nói:

- Làng nào được phụ tử vinh quy như làng ta đây! Mà ông cử còn thi Hội, thi Đình nay mai nữa. Nhà cứ phải dựng cho ra nhẽ. Cột lim, xà, kẻ, các thứ, phải đàng hoàng... Phải đứng nhà năm gian, tràng, khoát cứ phải như công đường của quan, phủ quan huyện. Tổng ta phải làm nhà vinh quy cho quan Giải nguyên cho ra hồn để thiên hạ còn nhìn vào chứ?

Thấy Khiêm Ích, mọi người đều đứng dậy vái chào. Ích chào lại rồi từ tốn nói:

⁽¹⁾ Phạm Khiêm Ích vốn họ Nguyễn, sau được Tiến sĩ Phạm Công Thiện, làng Bảo Thiện vốn là dượng, chồng cô ruột, nuôi làm con nuôi nên đổi sang họ Phạm.

- Hàng tổng lo nhà vinh quy cho tôi, khiến tôi thật cảm động. Nhưng, tôi xin đa tạ. Trước hết, vườn tược, nhà cửa cha tôi đây cũng rộng đẹp, lấy thêm của hàng tổng một nếp nhà làm gì nữa. Ông Chánh tổng ông lý trưởng lại muốn cho thiên hạ biết sự trọng nhân tài của tổng mình, xã mình, tôi xin cảm tạ. Song nghĩ vừa đổ đạt đã để mọi người phải xây nhà cao cửa rộng cho mình, đó là một điều không nên. Huyện ta vừa xảy ra hạn hán, đồng điền thất thu, dân đang bạc mặt về lo tháng ba ngày tám, mà tôi lại làm nhà cao, cửa rộng, đó là hai điều không nên. Điều thứ ba, hàng tổng lại định làm nhà to ngang công đường quan phủ, quan huyện, khiến các vị sở tại mà biết, phật ý cho tôi là kẻ huênh hoang, coi thường họ, lại càng không nên.

Chánh tổng hỏi:

- Vậy quan Giải nguyên muốn dựng một thảo lưu chãng, thế thì bẽ mặt chúng tôi quá!

Phạm Khiêm Ích nói:

- Lệ vua, lệ hàng tổng, lệ làng đáng lý Ích này phải vâng. Nhưng nguyện vọng của Ích là tấm lòng thành, mong các vị chiếu cố.

Chánh tổng và các ông lý cứ muốn xin dựng nhà vinh quy cho Giải nguyên Phạm Khiêm Ích, nhưng ông quyết chối từ cho bằng được, khiến họ phải buồn bã ra về...

Dân trong vùng nghe được chuyện này, cảm phục lắm. Có người còn nói:

- Mấy cái lão lý trưởng các làng và lão Chánh tổng nịnh cũng không xong. Thế mới biết ông cử Khiêm Ích quả là người chí lí. Người này mà ra làm quan thì dân chúng mới được nhờ!

Một lão nông nghe dân bàn chỉ tùm tùm cười khiến một thầy nho cau mày hỏi:

- Ông cười gì vậy?

- Các thầy biết một mà không biết hai. Các ông Chánh tổng lý trưởng hăng hái thế, là vì có làm nhà vinh quy thì họ mới có cái mà chăm mút chứ, nhà càng to thì túi họ càng đầy đầy!

Ông lão cười rất to, rồi vác cuốc đi xuống ruộng thăm lúa...

*

Phạm Khiêm Ích đỗ Thám hoa đình nguyên khoa Canh Dần năm Vĩnh Thịnh thứ sáu đời Vua Lê Dụ Tông, ông được Chúa Trịnh Giang rất tin dùng. Năm Canh Tý (1720), ông làm Tả thị lang bộ hình rồi thăng Hữu thị lang bộ Lại, tước Thuật Phương Hầu, vào phủ Chúa làm Bồi tụng. Năm Quý Mão, ông dẫn sứ bộ Đại Việt sang nhà Thanh mừng Vua Thế Tông lên ngôi (tức Ung Chính Hoàng đế). Sứ bộ tới Yên Kinh, được Vua ban yến. Khi vào ra mắt, dâng thư mừng của Đại Việt xong, ông dâng lên bài thơ mừng Hoàng đế nhà Thanh, lấy tên là "Nhật nguyệt hợp bích, ngũ tinh liên châu". Hoàng đế thấy lạ, ban lời hỏi quan Thám hoa Phạm Khiêm Ích:

- Khanh lấy đầu đề bài thơ đã hay rồi! Hãy thử bình lên ta nghe xem nào?

Phạm Khiêm Ích, bước lên một bước thưa rằng:

- Tâu Bệ hạ, nhật nguyệt hợp bích, ngũ tinh liên châu há chẳng là việc hiếm có ư? Khiêm Ích này cùng sứ bộ từ Đại Việt sang, mừng lễ lên ngôi của Hoàng đế Đại Thanh, vào dịp tết Thượng nguyên. Sách *Hán thư* chẳng từng nói: "Mồng một giáp tý, giữa đêm đông chí, đó là lúc nhật nguyệt hợp bích, nghĩa là vũ trụ đang khi vận hội, mặt trăng mặt trời như hai ngọc bích hợp làm một, cũng là lúc ngũ tinh liên châu nghĩa là lúc năm sao: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, cùng mọc một phương nối liền nhau. Bài thơ mừng Hoàng đế của thần chính từ ý nghĩa đó.

Các đại thần nhà Thanh ngạc nhiên, trầm trở về sự uyên bác của sứ Việt.

Vua Thanh rất vui nói:

- Sứ thần nước Việt có tài văn chương, thật không hổ lãnh trách nhiệm hoàng hoa (đi sứ). Khanh đọc bài thơ lên cho các quan và Trẫm cùng nghe.

Phạm Khiêm Ích ngửa mặt nhìn lên, cất tiếng rất vang, đọc:

**Nhật nguyệt hợp bích,
Ngũ tinh liên châu⁽¹⁾**

*Vũ trụ vẫn xoay âm gọi dương
Khí hoà xuân hạ, nối thu đông
Ngũ tinh một giải liền năm vẻ,
Nhật nguyệt hai vầng hợp một vòng.
Văn thái rõ ràng đời Thuấn trị,
Võ công hiển hách thuở Nghiêu phong.
Thần châu một cõi no hoà, đạo,
Bốn biển âu ca khúc đại đồng.*

Vua Thanh khen lắm, lấy bút son phê vào bên cạnh bài thơ: "Tâm sáng, lòng thanh, thiên tư đáng quý!". Mấy hôm sau lại được Hoàng đế mời vào cung Càn Thanh chuyện trò, thăm hỏi ân cần, lúc về lại ban cho một tấm lụa quý.

Khi sứ bộ về nước, ông chỉ tâu việc, không nói gì về chuyện dâng thơ cả.

Song Chúa Trịnh Giang cũng là người thích văn chương, các viên phó sứ có thưa lại chuyện Phạm Khiêm Ích đã khiến các khanh tướng và Hoàng đế nhà Thanh mến phục, tiếng tăm chẳng kém gì Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan đi sứ bữa trước. Chúa Trịnh Giang sau buổi làm việc ở Phủ Bồi tụng liền hỏi:

- Khanh có chuyện dâng thơ lên Hoàng đế Ung Chính sao không nói?

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán.

- Khải Chúa, nếu thần nói thì hoá ra khoe công với Chúa hay sao? Dâng lời mừng của Hoàng đế và của Chúa lên Vua Thanh Thế Tông là việc chính, nên thần chỉ nói về việc ấy thôi.

Trịnh Giang nói:

- Ta đã đọc bài thơ của Khanh rồi! Sao, Khanh chỉ khen trời đất vua nước người mà không mừng trời đất, vua chúa nước ta...

Phạm Khiêm Ích nghe toát mồ hôi, song nhanh ý, trả lời được ngay, mỉm cười khoan thai nói:

- Khải Chúa, ca ngợi đất trời vua chúa Đại Việt thần đã nói trước cả bài *Nhật nguyệt hợp bích, Ngũ tinh liên châu* rồi!

- Đó là bài nào vậy, ta chưa nghe bao giờ!

- Khải Chúa, đó chính là bài ca "Năm được mùa to" thần đã làm ở khoa thi Đông Các mà Chúa thân ra đầu đề đó ạ!

Trịnh Giang nghĩ ra, gật gật đầu rồi nói:

- Phải, phải! Nhưng Khanh thử đọc lại một đoạn ta nghe xem nào?

Phạm Khiêm Ích háng giọng rồi đọc:

"... Kính nghĩ, đức vua, nhà chúa ta:

Tư chất bẩm sinh trung chính và mạnh như quẻ Kiền, vào lúc vận hội thanh bình như quẻ Thái. Điểm lành ứng vào năm được mùa! Trẻ hát vang ngõ, già vịnh ngâm đầy đường...

(Bác bề trên) lại thể theo ý tốt, kính sợ mệnh trời mới sai làm bài ca về các công việc vừa làm. Lời ca rằng:

Khó mà làm cho Trời tin mà Trời vẫn soi xét.

Vua chúa có đức tốt, mới hợp với lòng Trời

Nên nhân chính ban ra khác nào:

Vua Thuấn hoà đàn

Vua Thang mở lưới.

Đức tốt tiếng hay khắp nơi, như mưa tuôn, như mây chạy.

Nhân chính như trời che khắp,

Đức ban ra người nào cũng hiểu, nhà nào cũng nhuần".

Chúa Trịnh Giang nghe xong, không nói gì cả, mấy hôm sau Phạm Khiêm Ích được thăng Bồi Tụng, Tả thị lang, tước Thuật Quận công...

*

Khi Trịnh Giang cho Lê Anh Tuấn, Thượng thư bộ Hộ, Tham tụng Điện Quận công ra làm Đốc trấn hai trấn Lạng Sơn và Thái Nguyên, sau đó lại giáng Thái bảo, Tham tụng, Sóc Quận công Nguyễn Công Hãng làm Thừa chính sứ Tuyên Quang; trong khi đó, Chúa quá tin dùng Hiệp Quận công Hoàng Công Phụ, thì triều đình bắt đầu nghi ngại. Các bậc Tham tụng (Tể tướng) như Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, hoặc Nông Quận công Nguyễn Hiệu, Phấn Quận công Trịnh Nhung, đều là những đại thần có công, hoặc từng thờ Chúa Trịnh Cương, cha của Trịnh Giang. Khi Trịnh Giang lên làm chúa vẫn tin dùng họ. Nhưng từ khi Hiệp Quận công Hoàng Công Phụ khéo hầu hạ Chúa, thì Trịnh Giang thường chỉ nghe Phụ và nghi kỵ các đại thần vốn nổi tiếng về văn trị, võ công trước Hoàng Công Phụ. Phụ rất xảo quyệt, biết chiều chuộng, lựa ý, Chúa thích thứ gì làm gấp đôi gấp ba để được lòng. Có lúc ghét người, vẫn nói vun vào khi Chúa hỏi ý, nhưng khi họ có lỗi, Phụ lập tức mượn cơ hội, để đẩy họ ra ngoài biên ải, rồi sau đó tìm cách hãm hại. Tháng 11 năm Nhâm Tý (1732) Chúa bắt Sóc Quận công phải chết. Hãng có tài, giúp rập Trịnh Vương, rất được tin dùng, đảm đương việc nước, đem hết tài sức để cống hiến. Hoàng Công Phụ cùng vây cánh, khi luận tội Hãng, vu cho là táng mộ cha vào đất chín rồng, lập sơn trang, chiêu mộ binh sĩ để làm loạn. Đến năm Giáp Dần (1734), nhân việc Chúa tu bổ chùa Quỳnh Lâm khá tốn kém, Tham tụng (Tể tướng) Nguyễn Hiệu, dâng lời can, Chúa bực mình bèn miễn chức Tham tụng,

giáng làm Thượng thư bộ Hình, giao việc làm chùa cho Hoàng Công Phụ. Cũng năm ấy, Phụ ỏn thót, Chúa lại giết Đốc trấn Lạng Sơn là Lê Anh Tuấn. Tuấn nổi tiếng văn chương, tính trầm lặng kín đáo, trước cùng làm tướng với Nguyễn Công Hãng. Phụ tâu với Chúa là Tuấn âm mưu cùng Trịnh Nhung, Đỗ Bá Phẩm mưu thay đổi ngôi Chúa, do đó Trịnh Giang ghét, giết bỏ. Có người nói với Phạm Khiêm Ích, lúc đó thay Lê Anh Tuấn làm Tham tụng:

- Tham tụng trong phủ Chúa, rút cục chỉ còn Hiệp Quận công Hoàng Công Phụ thôi.

Ích trầm tĩnh nói:

- Người chính trực bao giờ cũng là người chính trực. Tôi chỉ biết hết lòng vì nước, lo trọn chức trách, ngoài ra không có ham muốn gì!

Mấy hôm sau Ích dâng lên Chúa sách *Thẩm trị nhất lãm*, bàn về cách trị nước. Được Chúa Trịnh Giang khen thưởng bạc và gấm...

Khi Hoàng Công Phụ, ra vào phủ Chúa lấy Trịnh Tuệ đỗ đầu khoa thi Đình, thì Phạm Khiêm Ích biết Phụ đang tạo thêm vây cánh, do đó đến năm Mậu Ngọ (1738) Phạm Khiêm Ích dâng thư lên xin từ chức Tham tụng, Chúa chấp nhận. Ích biết trước sau Phụ sẽ thao túng triều đình, nện rút trước, chỉ làm Lại bộ thượng thư.

Phụ vẫn chưa yên lòng nên tâu Chúa đưa Thượng thư bộ Lại Thiếu bảo Phạm Khiêm Ích ra làm Đốc phủ Thanh Hoa; Bồi tụng thượng thư bộ Hộ Lâm Quận công Cao Hy Trạc ra làm Đốc đồng. Triều đình ai cũng ngạc nhiên, biết là Phụ không để cho người tài giỏi hơn mình ở bên Chúa.

Có người đến chia tay, ngậm ngùi chia xẻ với Phạm Khiêm Ích, ông vẫn thản nhiên nói:

- Người hết lòng vì công việc thì ở đâu chẳng vui. Cảm ơn tấm lòng vì bạn của ông... Chắc là tôi và Lâm Quận công không phụ lòng uỷ thác của Chúa thượng.

Rồi vui vẻ đi nhậm chức. Được hai vị quan vốn là Tể tướng chúa phủ ra trấn thị, tỉnh Thanh Hoa liền mấy năm được mùa, dân cư yên ổn, giặc cướp đều chạy dạt đến các nơi khác. Khi Trịnh Giang bị phế, Hoàng Công Phụ bị diệt, Chúa Trịnh Doanh lên thay, chưa kịp triệu Phạm Khiêm Ích về kinh đô thì ông đã mất. Chúa nghỉ châu ba ngày, luôn than thở, thương tiếc...

Linh cữu Phạm Khiêm Ích đưa xuống thuyền, dân cả tỉnh Thanh Hoa đưa tiễn đầy đường, nhiều người được cứu oan, cư mang, khóc như cha mẹ chết. Khi linh cữu cập bến sông Hồng để đưa về làng thì bờ đê đã chặt cứng người, khóc vang lên, đám tang dài đến mấy dặm... Cả hàng tổng nhớ ơn ông không bắt làm nhà vinh qui, đều đến đưa tiễn. Làng ông bàn nhau dâng sớ lên phủ Chúa xin thờ làm Thành hoàng làng. Chúa chấp thuận ngay, lại cho tiền để xây đình cho xứng với công lao.

Tám bia nhấn gửi

Khoa thi Hội năm Canh Tuất đời Vua Lê Huyền Tông (Trịnh Tạc làm Chúa), có hai ông Nho cùng vào thi. Bởi cùng tên nên họ kết giao với nhau rất thân tình, lúc nào cũng ở bên nhau. Khi vào điện thí xong trở ra, ông Nho người huyện Đông Ngàn, Kinh Bắc hỏi ông Nho người xã Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng, Hải Dương rằng:

- Thơ Tịch Nam trong Kinh Thi huynh có nhớ trọn không. Đệ không nhớ nổi, nên chỉ dám nhắc đến tên bài thơ mà không dẫn.

Nguyễn Danh Nho, người Nghĩa Phú trả lời:

- Câu ấy nguyên văn thế này: "Tịch bỉ Nam Sơn, duy thạch nham nham, hách hách sư doãn, dân cụ nhĩ chiêm⁽¹⁾".

Ông Nho, Đông Ngàn vái một cái bảo:

- Thế mà lúc ấy, đệ mù đi, không sao nhớ nổi. Tệ thật.

Rồi hai ông Nho đều được bổ nhiệm cùng vào kinh thành Thăng Long nhận chức.

Năm Canh Ngọ (1960), Nguyễn Danh Nho, người Đông Ngàn, được cử sang sứ nhà Thanh theo lễ nộp thuế cống.

Ông Nho người làng Nghĩa Phú, Cẩm Giàng, đến tiễn bạn nói:

- Huynh sang sứ Trung Hoa, chắc thế nào cũng ghé qua Giang Nam, có thể giúp đệ chút việc được chăng?

⁽¹⁾ Nghĩa là: Cao ngất núi Nam kia, chon von những đá là đá, lấy lòng thay quan sư doãn, dân chúng các nơi đều ngóng về.

- Việc gì, xin huynh cứ nói, đệ nguyện hết lòng.

- Chắc huynh có nghe tiếng thân y Tuệ Tĩnh ở Cẩm Giàng chứ?

- Có phải nhà sư đậu Hoàng giáp, không chịu ra làm quan, về trụ trì ở chùa, chủ trương dùng thuốc Nam chữa bệnh, sau phải đem tiến cống sang nhà Minh không?

- Đúng như thế!

- Tên chữ của danh y là Bá Tĩnh... Dân vùng tôi nhớ ơn trị bệnh cứu người của ông, đã thờ làm phúc thần. Kỳ vừa qua, về thăm quê, tôi được dân làng uỷ thác một việc khó khăn, đó là nếu có sang sứ hoặc quen ai đi công cán ở Trung Hoa, thì cố lần tìm phần mộ của danh y Tuệ Tĩnh giúp. Huynh sang đó, thế nào cũng qua Kim Lăng, đất Giang Nam, cố truy tìm giúp cho.

Ông Nho Đông Ngàn hứa với bạn, và cũng cho đó là một việc nghĩa cử.

Sứ thần đi theo đường Động Đình tới Bắc Kinh. Khi mọi việc đã xong xuôi, Nguyễn Danh Nho, xin với Vua Khang Hy nhà Thanh, được theo đường Giang Nam, để đến Quảng Tây rồi về nước, nhân đó để tìm mộ danh y Tuệ Tĩnh. Vua Thanh chuẩn tấu.

Về đến Giang Nam, những người khác đi thăm thú cung điện, kinh thành nhà Minh cũ, riêng ông Nghè Nguyễn Danh Nho, thì vẫn để tâm trí đi lòng tìm mộ của danh y Tuệ Tĩnh.

Một hôm, ông ra ngoài ô kinh thành, vào một tửu quán, lân la hỏi chuyện, được chủ quán chỉ cho một cụ già cao tuổi, chiều nào cũng đến quán thưởng thức món chả cá lăng. Ông cụ da đỏ như lừng, tửu lượng còn rất khá. Quan Chánh sứ, mặc áo nho sinh đến vái cụ, rồi hỏi:

- Thưa lão trượng, chẳng hay cụ có biết tiếng danh y trước từng làm thầy thuốc ở triều Minh trước không!

Cụ nói:

- Ông cụ thân sinh ra tôi có kể lại, xưa Vua Minh có bắt nước An Nam cống người. Năm ấy được một danh y giỏi lắm. Ông ấy lại là người thông kim, bác cổ. Vua Minh biết tài, dùng danh y. Đến khi ông ấy chữa khỏi bệnh nan y cho một quý phi mà các ngự y không chữa nổi, Vua càng tin dùng. Bởi ông ấy là nhà sư nên Vua Minh phong cho ông làm Đại thiên sư...

- Thưa cụ, vậy tung tích vị sư ấy ở đâu ạ?

- Cụ tôi nói, ông ấy thích gần dân nên xin Vua ra trụ trì ở ngôi chùa ngoại ô thành Kim Lăng và thường trồng thuốc cứu nhân độ thế. Dân trong vùng quý lắm. Ít lâu sau, thì ngài hoá. Mộ ngài chôn ngay cạnh ngôi chùa, ngay giữa những vườn thuốc. Dân chúng óm đầu đến bên mộ, thắp hương hái thuốc về dùng, đều khỏi cả. Có lẽ ông ra đó, có thể hỏi thăm được.

Nguyễn Danh Nho mừng lắm. Ngay mờ đất hôm sau, đã lần tìm đến chỗ ông cụ chỉ. Chùa cũ trải qua bao niên đại đã thành phế tích, vườn tược, cây hoang, cỏ dại thâm u. Quan Chánh sứ rạch cỏ, rẽ cây mà tìm vào. Trước khi vào, ông đến thắp hương trước tam bảo, thăm khấn các vị bồ tát, sư tổ phù hộ độ trì cho tìm được mộ danh y...

Phải phát cây, lật cỏ đầy một buổi, mới thấy được một chiếc bia mộ có đề: "An Nam quốc, Cẩm Giàng nhân, Đại y thiên sư Tuệ Tĩnh". Nguyễn Danh Nho mừng quá. Khi lấy nước rửa sạch bia đá, lại thấy giữa lòng bia còn đề một dòng: "Nhiên hậu hữu Nam nhân áo, nguyện chuyển ngã di cốt hoàn hương. Danh y Tuệ Tĩnh di chúc", nghĩa là: "Mai sau có người phương Nam đến, xin chuyển nắm xương tàn của tôi trở lại quê nhà... Di chúc của danh y Tuệ Tĩnh". Câu này cũng do những người thân cận với ông, khi ông sắp mất dặn lại, nên đã khắc luôn vào bia để nhắc nhở họ... Nguyễn Danh Nho nước mắt nhòa đi. Một con người xả thân cho đời, chẳng nghĩ gì đến mình, mà kết cục lại thế này ư? Quan Chánh sứ nước mắt chảy ròng ròng, khóc lên

thành tiếng, nghẹn ngào mãi không thôi. Người xung quanh cũng chan hoà nước mắt.

Nguyễn Danh Nho, mừng rỡ đã làm trọn việc của bạn nhờ. Việc di chuyển mộ của danh sư, chắc bạn ông và địa phương sẽ lo liệu. Vốn lanh lợi, Nguyễn Danh Nho cho rằng, phải giữ nguyên hình trạng ngôi mộ như cũ để những người sau này đến di dời dễ tìm, nên ông đem kích cỡ bia, chữ ghi trên mộ, thuê làm một tấm bia khác y hệt tấm bia chính để đem về làm chứng cứ cho bạn, rồi xuôi thuyền đi Quảng Tây về nước.

Khi thuyền đoàn sứ thần An Nam về đến cửa Nam Quan, đêm ngủ ở trạm dịch biên giới, Nguyễn Danh Nho nằm mơ thấy một cụ già, râu trắng như cước, người thơm mùi thảo dược, chống gậy cày cua, đến ra mắt, Nguyễn Danh Nho đoán hỏi:

- Người là ai, xin cho vãn sinh biết cao danh quý tính!

- Ta đến cảm ơn thịnh tình của quan Chánh sứ, đã đến thăm phân mộ của ta. Cũng mong nguyện vọng nhỏ bé của già này, được đem nắm xương tàn về nước được toại nguyện.

Nói rồi sa nước mắt quay đi, Nguyễn Danh Nho biết linh hồn của Tuệ Tĩnh nhắn nhe thêm một lần nữa. Tỉnh dậy, lòng còn bồi hồi khôn xiết.

Về nước, ông Nho Đông Ngàn trao tấm bia mộ của Tuệ Tĩnh cho ông Nho Cẩm Giàng, và kể lại mọi chuyện đã qua. Ông Nho Cẩm Giàng đầm đìa nước mắt, bọc bia đá trong gấm đỏ, đưa về quê hương, coi như linh vị của Người. Tin đưa về, dân làng và gần nửa huyện, đem kiệu, đem cờ phướn đi đón bia danh sư... Họ chuẩn bị quang gánh, gáo dừa hom dâu⁽¹⁾, đắp mộ tượng trưng rồi đặt bia lên...

Khi bia đặt xuống thì sấm chớp nổi ran, một trận mưa rào ngắn tưới cả một vùng, không khí như nhẹ nhàng thanh khiết,

⁽¹⁾ Tượng trưng xương cốt người đã khuất.

hoa cỏ xung quanh tươi tốt hẳn lên... Dân chúng càng tin hồn vía của danh sư đã về nhập mộ.

Từ đó, chùa Cẩm Giàng, các sư ni lại theo sách của danh sư truyền lại, làm thuốc chữa trị cho dân chúng, dân đến chữa rất đông, nhiều bệnh được chữa khỏi...

Lại nói, ông Nho Đông Ngàn được ban thưởng rất hậu. Chúa tin cậy, ông càng nỗ lực công cán để báo đền ơn Chúa. Năm ấy, ông được Chúa sai đi đo ruộng ở mấy vùng lân cận kinh thành, để từ đó ban hành thuế má và định tạp dịch. Ông thấy dân nghèo rất khổ, do đó thức suốt đêm viết tấu dâng lên Chúa, trong đó có đoạn:

"Thần Nguyễn Danh Nho, quê ở Đông Ngàn thiết nghĩ: Chúa thương dân nên thi hành chính sự nhân đức. Chính sự nhân đức phải thể hiện ở các thứ thuế và tạp dịch. Triều trước vốn ngại sự phiền nhiễu và duyệt tuyền, nên đặt ra phép bình lệ, tức là định ra số trung bình để tính thuế và tạp dịch cho từng làng, do đó, số dinh tăng thêm dù đã vào sổ dinh của làng cũng không tính, người chết đã xóa tên trong sổ cũng không trừ. Lệ này nay vẫn thi hành. Trong khoảng mấy chục năm nay, hộ khẩu các làng tăng giảm thất thường, khác nhau giữa làng này với làng khác mà thuế và tạp dịch vẫn như cũ. Vì thế, dân thường phải gánh vác nặng nề dẫn đến nhiều nhà nghèo khó dân phải li tán. Kính nghĩ triều đình nên tìm cách cứu chữa. Kính xin Chúa thể theo nguyện vọng của mọi người, đem ruộng đất trong nước không kể công hay tư, đều được nhất loạt khám xét đo đạc rồi từ đó, hòng tính phân bổ thuế ngạch, tham duyệt so sánh với định suất, định thành lệ luật mới, khiến cho giàu nghèo tương trợ lẫn nhau, gánh vác đúng với phần phải gánh vác, để thành điển lệ lâu dài".

Bản tấu gửi đi, ông Nho Đông Ngàn hồi hộp chờ ý Chúa phán xét. Vừa lúc ấy, ông Nho Cẩm Giàng tươi cười bước vào nhà:

- Chào đại huynh, đệ đem tin tốt lành đến cho huynh đây.

Ông Nho Đông Ngàn nói:

- Tin gì vậy?

- Đêm qua đệ lại nằm mơ thấy danh sư Tuệ Tĩnh chống gậy còng cưa đến cảm ơn. Ngài lại còn nhờ đệ cảm ơn huynh một lần nữa và tùm tùm cười bảo hãy sang uống rượu chia vui với huynh!

Ông Nho Đông Ngàn hỏi:

- Phần thưởng đi sứ của Chúa đệ đã nhận rồi, niềm vui mà huynh định chia sẻ là gì đây? Nhưng thôi, dù niềm vui có hay không có, sẵn rượu nếp cái hoa vàng của người làng vừa mới cho đây, ta uống với nhau. Đệ mới gửi lên phủ Chúa một bản tấu, huynh đọc qua xem thế nào!

Vừa dứt lời thì quan Thái giám ở phủ Chúa đến truyền dụ. Ông Nho Đông Ngàn quỳ lạy đón dụ. Thì ra Chúa Trịnh đã đưa ông Nho Đông Ngàn giữ chức Hữu thị lang bộ Lại.

Ông Nho Cẩm Giàng, sau khi trở lại cuộc rượu nói:

- Danh y Tuệ Tĩnh thiêng thật. Ngài báo mộng quả không sai.

Ông Nho Đông Ngàn vội sai người nhà sắm lễ vật, đặt mâm ngoài trời, thân ra vái lễ, cảm tạ tấm lòng của thần y Tuệ Tĩnh.

Duyên văn

Xế cửa phường Hà Khẩu là nhà ông giám sinh Đoàn Luân. Một ngôi nhà tranh ở giữa nơi buôn bán đông hội, ban ngày cửa đóng im ỉm. Từ ngày cụ cử họ Đoàn chán cảnh phồn hoa, lui về vui với cảnh vườn tược, quê cụ ở Văn Giang, bà cụ ở lại phố phường chạy chợ xì xằng để kiếm thêm tiền.

Khi cụ cử mở trường nhận mười lăm anh khoá ham học từ quê và các làng lân cận ở phủ Vĩnh Thuận, phía huyện Thanh Trì đến học, cô Điểm vẫn theo học chung với anh trai và lớp học trò đang rập rành giạt bâng rông, bâng hổ. Ở chốn đầu ô, cửa khẩu này, chỉ cần một cuộc đánh ghen, tin tức đã truyền xuôi, truyền ngược ngang dọc đồn đại đi đủ nơi, đủ chỗ. Những giai thoại về cô con gái cụ cử hay chữ, chẳng mấy chốc loang xa khắp giới nho sĩ ở Long Thành.

Ông giám sinh Đoàn Luân đã là một người tài hoa, cô Điểm lại càng tài hoa hơn. Ông Luân là tay sành sỏi trong các cuộc chơi thả thơ, đề vịnh, lại giỏi ứng đối. Mạch sách hỏi đến, ông nói vanh vách. Điển cố thuộc lâu lâu, các bậc túc nho đều phải buột lời khen, còn các bạn bè nức tiếng như ông Đặng Trần Côn ở làng Mọc hay người lớp sau như ông Phan Huy Ích ở Quốc Oai đều phải vị nể. Vậy mà, ở nhà, ông vẫn bị cô em "bất nạt". Tỉnh thoảng, cụ Cử từ quê ra, sau khi vui vẻ kể chuyện mùa màng, thường hay gọi con gái đến hầu trà. Cô Điểm nhóm than hoá lò, dọn bộ đồ trà để trên án gian, chỉ khi nào cụ Cử về mới hạ xuống. Chĩnh nước mưa trong suốt, để ở nơi đại nắng đầu hiên, có nắp men chàm xanh đậy kín, lúc đó mới được mở ra. Cô Điểm dùng chiếc bát nội phủ to, múc nước cho vào ấm đồng,